

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/KDTM-ST
Ngày 16-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng cho thuê
tài chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lại Hữu Tâm
- Bà Trần Thị Nga

– **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 694/2024/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 635/2024/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cho thuê Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q;

Địa chỉ: Số 37 đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tuấn V là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 469.2024/GUQ-COL ngày 10/6/2024); (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L;

Địa chỉ: Ấp 2, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; địa chỉ liên hệ: Quốc lộ 1A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước;

2. Bà Đồng Thị Phương L, sinh năm 1976; (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2023 và trong quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn V trình bày:

Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q (Sau đây được viết tắt là Công ty Q) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L (Sau đây được viết tắt là Công ty L) là khách hàng thuê tài chính của Công ty C.

Do Công ty L có nhu cầu trong hoạt động kinh doanh của mình và đề nghị Công ty Q tài trợ tài chính nên hai bên đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số F221115802 vào ngày 09/11/2022 (sau đây gọi tắt là “*Hợp đồng thuê*”). Theo đó, tài sản mà Công ty L có nhu cầu thuê tài chính là một (01) Máy uốn dây thép 3D CNC, nhãn hiệu: Wafios; một (01) Máy Phay, nhãn hiệu: Shizuoka (sau đây gọi tắt là “*Tài sản thuê*”). Cùng ngày 09/11/2022, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty L theo Hợp đồng thuê, Công ty Q có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Văn T và bà Đồng Thị Phương L. Theo đó, trường hợp Công ty L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo các Hợp đồng thuê, ông Nguyễn Văn T và bà Đồng Thị Phương L cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty L.

Để thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty Q đã ký hợp đồng mua bán số F221115802-PC vào ngày 09/11/2022 để mua các tài sản nêu trên từ Công ty L và cho chính Công ty L thuê lại các tài sản này. Đây là hình thức cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật. Công ty L đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê vào ngày 11/11/2022 để xác nhận về việc đã nghiệm thu tài sản. Giá mua tài sản là 1.435.000.000 đồng, trong đó Công ty L trả trước 502.250.000 đồng và Công ty Q tài trợ 932.750.000 đồng. Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 42 tháng, kể từ ngày 11/11/2022 đến ngày 25/05/2026. Lãi suất thuê là lãi suất cố định 18,76%/năm.

Ngày 14/11/2022, Hợp đồng thuê được cấp giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng.

Hằng tháng, Công ty L phải thanh toán cho Công ty Q tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty Q đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê.

Trước khi Công ty L trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty Q vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty L vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty Q đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty L bồi thường thiệt hại (nếu có).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty L thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty Q đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với Công ty L để yêu cầu thanh toán.

Ngày 21/07/2023, do Công ty L vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, Công ty Q đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, theo đó yêu cầu Công ty L thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 24/07/2023 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 1.061.195.122 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm sáu mươi một triệu một trăm chín mươi lăm nghìn một trăm hai mươi hai đồng). Tuy nhiên, cho đến nay Công ty L vẫn chưa thanh toán số tiền cho Công ty Q. Đồng thời, Công ty L cũng không bàn giao tài sản thuê cho Công ty Q (Tài sản thuê hiện tại đang do Công ty L quản lý và sử dụng theo Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê ngày 11/11/2022).

Ngày 27/07/2023, Công ty Q phát hành Thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Đồng Thị Phương L thanh toán theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký nhưng đến nay ông Nguyễn Văn T và bà Đồng Thị Phương L vẫn chưa thanh toán số tiền mà Công ty L còn nợ Công ty Q.

Vì vậy, Công ty Q khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu giải quyết buộc Công ty L thanh toán cho Công ty Q số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 16/9/2024 là 1.189.735.413 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm mười ba đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 799.500.002 đồng; nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê 24/07/2023 là 261.695.120 đồng; nợ lãi quá hạn từ ngày 25/07/2023 đến 16/9/2024 là 128.540.291 đồng.

Buộc Công ty L thanh toán cho Công ty Q tiền lãi chậm trả phát sinh sau ngày 16/9/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp Công ty L không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên thì buộc Công ty L giao trả Tài sản thuê là Một (01) Máy uốn dây thép 3D CNC, nhãn hiệu: Wafios; Một (01) Máy Phay, nhãn hiệu: Shizuoka cho Công ty Q để thanh lý, căn trừ vào số tiền thuê mà Công ty L còn nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ bù đắp cho các khoản nợ thì buộc Công ty L thanh toán tiếp số tiền còn thiếu cho Công ty Q.

Trường hợp Công ty L không giao trả tài sản thuê hoặc số tiền thanh lý tài sản thuê không đủ để cân trừ nợ thì yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T cùng bà Đồng Thị Phương L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty Q cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Đồng Thị Phương L:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên vụ án được đưa ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho thuê tài chính; bị đơn có địa chỉ trụ sở chính của công ty tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 17/7/2024 đại diện nguyên đơn ông Nguyễn T Vũ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng

mặt của đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L và ông Nguyễn Văn T, bà Đồng Thị Phương L không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho thuê tài chính tạm tính đến ngày 16/9/2024 là 1.189.735.413 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm mười ba đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 799.500.002 đồng; nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê 24/07/2023 là 261.695.120 đồng; nợ lãi quá hạn từ ngày 25/07/2023 đến 16/9/2024 là 128.540.291 đồng.

Căn cứ Hợp đồng cho thuê tài chính số F221115802 vào ngày 09/11/2022 tài sản thuê là một (01) Máy uốn dây thép 3D CNC, nhãn hiệu: Wafios; một (01) Máy Phay, nhãn hiệu: Shizuoka. Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 42 tháng, kể từ ngày 23/11/2022. Lãi suất thuê cố định 18.76% năm và được quy định cụ thể tại phụ lục hợp đồng số 01 ngày 09/11/2022. Việc điều chỉnh lãi hàng tháng sẽ được thể hiện trên Giấy báo thanh toán do Công ty Q gửi cho Công ty L. Hàng tháng số tiền gốc và lãi sẽ được trả theo Thông báo bắt đầu thuê đính kèm lịch trình thanh toán tiền thuê trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên được thừa nhận và bảo vệ và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê Công ty L vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty Q đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với Công ty L để yêu cầu thanh toán. Do đó, vào ngày 21/07/2023, Công ty Q đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, theo đó yêu cầu Công ty L thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 24/07/2023 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 1.061.195.122 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm sáu mươi một triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm hai mươi hai đồng). Đồng thời, Công ty L cũng không bàn giao tài sản thuê cho Công ty Q (Tài sản thuê hiện tại đang do Công ty L quản lý và sử dụng theo Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê ngày 11/11/2022).

Công ty L đã thanh toán nợ đến ngày 24/7/2023 thì ngưng không thanh toán nữa là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán. Do đó, việc Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q khởi kiện yêu cầu Công ty L trả toàn bộ số nợ còn lại và tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

[3.2] Căn cứ vào Thư bảo lãnh cá nhân ngày 09/11/2022 thì ông Nguyễn Văn T và bà Đồng Thị Phương L có thực hiện việc bảo lãnh cho Công ty L đối với Hợp đồng cho thuê tài chính số F221115802 vào ngày 09/11/2022 mà Công ty L ký với Công ty Q. Nay nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp Công ty L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Đồng Thị Phương L có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm với Công ty L thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký. Thư bảo lãnh cá nhân được ký trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 335, 336, khoản 1 Điều 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Theo Công văn số 10093ĐKKD-T6 ngày 19/12/2023 của Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp đối với Công ty L: “Thông tin đăng ký doanh nghiệp của công ty TNHH cơ khí chế tạo máy L (Mã số doanh nghiệp 0316264295): đính kèm thông tin chi tiết Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/6/2022. Đến nay, Công ty chưa đăng ký giải thể”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty L, ông Nguyễn Văn T, bà Đồng Thị Phương L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 (BLTTDS) thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do Công ty L, ông Nguyễn Văn T, bà Đồng Thị Phương L không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như Công ty L, ông Nguyễn Văn T, bà Đồng Thị Phương L chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 16/9/2024 là 1.189.735.413 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm mười ba đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 799.500.002 đồng; nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê 24/07/2023 là 261.695.120 đồng; nợ lãi quá hạn từ ngày 25/07/2023 đến 16/9/2024 là 128.540.291 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L phải chịu nộp. Công ty cho thuê Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q đã tạm ứng chi phí, do đó Công ty L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công ty cho thuê Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q số tiền nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, Điều 335, 336, khoản 1 Điều 339, Điều 342, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L có nghĩa vụ trả cho Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q số tiền còn nợ tính đến ngày 16/9/2024 là 1.189.735.413 đồng (Bằng chữ: Một tỷ một trăm tám mươi chín triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm mười ba đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 799.500.002 đồng; nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê 24/07/2023 là 261.695.120 đồng; nợ lãi quá hạn từ ngày 25/07/2023 đến 16/9/2024 là 128.540.291 đồng.

Kể từ ngày 17/9/2024, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo thoả thuận tại “Hợp đồng cho thuê tài chính” F221115802 ngày 09/11/2022.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q có quyền yêu cầu Công ty L giao trả tài sản thuê là 01 Máy uốn dây thép 3D CNC, nhãn hiệu: Wafios và 01 Máy Phay, nhãn hiệu: Shizuoka cho Công ty Q để thanh lý, cản trừ vào số tiền thuê mà Công ty L còn nợ.

Trường hợp số tiền thanh lý tài sản thuê không đủ để trả nợ thì buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đồng Thị Phương L có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách

nhiệm với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo Thư bảo lãnh cá nhân ngày 09/11/2022 mà ông Nguyễn Văn T và bà Đồng Thị Phương L đã ký.

3. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 47.692.062 đồng (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn không trăm sáu mươi hai đồng).

Hoàn lại cho Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.975.960 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0020388 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Chế tạo máy L phải chịu nộp. Công ty cho thuê Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q đã tạm ứng chi phí, do đó Công ty L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công ty Q số tiền nêu trên.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- CCTHADS huyện Bình Chánh
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tuyết

